

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HS-ST
Ngày 07 – 6 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Phan Châu Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Phan Quốc D (tên gọi khác: D1), sinh năm 1987 tại huyện TO, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Khu B, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (nay là số khu C, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quốc V và bà Hồ Thị Út E.

Tiền án: Ngày 18/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 năm tù theo bản án số 60/2006/HSST. Bị cáo kháng cáo, ngày 19/10/2006 Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo bản án số 1613/2006/HSPT (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2013, thi hành xong các khoản án phí ngày 29/5/2007.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2018, thi hành xong các khoản án phí ngày 09/10/2017.

- Ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 170/2020/HSST. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2020.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, Cục C10, Bộ công an (Trụ sở tại xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Trần Minh N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TL, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1/ Anh Phan Ngọc P, sinh ngày 03/3 2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị Lê Huyền T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PT, xã TP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 13/4/2020 ông Trần Văn T1, sinh năm 1972, ngụ ấp Phú Sơn A, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki SMASH, màu sơn: đỏ - đen, biển số 64H7 - 6554, số máy E456115205, số khung RLSBE4DW090100445 đi từ nhà đến dựng trên bờ đất tại ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long để đi ra ruộng cách đó khoảng 200

mét. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, ông T1 phát hiện xe mô tô biển số 64H7 - 6554 bị mất nên trình báo sự việc đến Công an xã LP.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Công an xã LP phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki SMASH, màu sơn: đỏ - đen, số máy E456115205, số khung RLSBE4DW090100445 của ông T1 bị mất được gắn biển số 64B1 - 629.60 và cất giấu trong phòng trọ số 1, nhà trọ Thu Bình do bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 làm chủ, địa chỉ tại ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long do Phan Quốc D thuê ở trọ cùng với Lê Huyền T. Công an tiến hành mời D làm việc và khai nhận: xe mô tô gắn biển số 64B1 - 629.60 là của người bạn tên P (không rõ họ tên thật và địa chỉ) gửi vào lúc khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày. Khi dẫn xe vào phòng, D nhìn thấy xe mô tô đang gắn biển số 64H7 - 6554, sau đó P tháo biển số 64H7 - 6554 và 02 chiếc kính hậu ra khỏi xe và gắn vào xe biển số 64B1 - 629.60 nên D biết rõ xe mô tô do P gửi là tài sản do P trộm cắp mà có nhưng vì tình nghĩa bạn bè nên D đồng ý cho P gởi xe. Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki SMASH có số máy số máy E456115205, số khung RLSBE4DW090100445 và biển số 64H7 - 6554 được công an thu giữ và trả lại cho bị hại, 02 kính chiếu hậu P đã mang đi nên không thu hồi được.

Tại kết luận định giá tài sản số 31/KL.ĐGTS ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tam Bình kết luận giá trị còn lại của xe mô tô biển số 64H7 - 6554 (đang gắn biển số 64B1 - 629.60) tại thời điểm mất trộm là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/5/2020 bị hại Trần Văn T1 đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô nhãn hiệu Suzuki SMASH, màu sơn: đỏ - đen, số máy E456115205, số khung RLSBE4DW090100445, biển số 64H7 - 6554, ông T1 không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKSTB ngày 18/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Phan Quốc D về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Quốc D thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Đối với biển số 64B1 - 629.60, căn cứ vào phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an huyện Tam Bình xác định Trần Minh N, sinh năm 1978, ngụ ấp TL, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu, anh N đã bán xe khoảng 03 năm và không làm giấy sang tên. Hiện nay anh N không có yêu cầu gì khác nên giao biển số 64B1 - 629.60 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình tiếp tục quản lý và giải quyết vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản theo quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị L không biết bị cáo Phan Quốc D sử dụng phòng trọ số 1 để chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nên hành vi của bà L không cấu thành tội phạm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Quốc D về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Quốc D phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phan Quốc D mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự đề nghị tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2020/HSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can, biên bản hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 16 giờ 50 phút ngày 13/4/2020, dù biết rõ xe mô tô nhãn hiệu Suzuki SMASH, màu sơn: đỏ - đen, có số máy E456115205, số khung RLSBE4DW090100445, biển số 64H7 - 6554 trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) là tài sản do người bạn tên P trộm cắp mà có nhưng vì tình nghĩa bạn bè

nên Phan Quốc D đã đồng ý chứa chấp xe mô tô do P gửi tại phòng trọ số 1, nhà trọ Thu Bình, thuộc ấp PSC, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nơi D đang thuê ở trọ.

Hành vi của bị cáo Phan Quốc D đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ tài sản là chiếc xe do P gửi là trộm mà có nhưng vẫn cho P gửi tại phòng trọ của mình. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong hình phạt nhưng bị cáo không thức tỉnh để làm ăn, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã 02 lần bị xét xử về hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 18/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 năm tù theo bản án số 60/2006/HSST. Bị cáo kháng cáo, ngày 19/10/2006 Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo bản án số 1613/2006/HSPT (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2013, thi hành xong các khoản án phí ngày 29/5/2007. Ngày 23/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2018, thi hành xong các khoản án phí ngày 09/10/2017. Tính đến ngày phạm tội (13/4/2020) thì bị cáo được xóa án tích đối với lần phạm tội bị xử phạt theo bản án số 25/2015/HSST, ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì thời hạn xóa án tích của bản án 1613/2006/HSPT, ngày 19/6/2006 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh được tính lại từ ngày 18/01/2018. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.5] Về tổng hợp hình phạt:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2020/HSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo D với mức hình phạt là 03 (Ba) năm tù; tổng hợp hình phạt trên với hình phạt về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” trong vụ án này, buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Quốc D phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Quốc D 01 (Một) năm tù.

1.3 Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 03 (Ba) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2020/HSST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Phan Quốc D chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Quốc D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Trại giam An Phước, Cục C10, Bộ công an;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo